TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày 10-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn D, sinh năm 1995. Nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang tạm trú và sinh sống tại: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị Nhật L, sinh năm 1995. Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang tạm trú và sinh sống tại: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Hà Thị Nhật L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: Anh và chị Hà Thị Nhật L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y,

tỉnh Bắc Giang ngày 23-7-2020. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại phòng trọ ở tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Đây cũng chính là địa chỉ nguyên đơn mở Salon tóc tại Thái Nguyên. Do bất đồng trong quan điểm, lối sống, tính cách nên từ giữa năm 2023 hai bên đã sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Do vậy, nguyên đơn đề nghị được ly hôn với chị Hà Thị Nhật L. Thời gian đầu ly thân, chị Hà Thị Nhật L vẫn chăm sóc con chung là cháu Lê Hà Ánh N, sinh ngày 26-01-2021 tại nơi thuê trọ mới thuộc phường Đ, thành phố P, Thái Nguyên. Nhưng sau đó đã bỏ bê việc chăm con, để con chung cho cụ nội đã già đang sống ở huyện C, tỉnh Lạng Sơn chăm sóc. Vì vậy, từ tháng 10-2023, nguyên đơn đã đón con chung về thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang gửi ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện nguyên đơn vẫn mở Salon tóc tại Thái Nguyên và đi về trong ngày giữa Thái Nguyên và Bắc Giang để chăm sóc con chung; mức thu nhập hàng tháng của nguyên đơn khoảng từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng. Do vậy, khi ly hôn nguyên đơn đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu chị Hà Thị Nhật L phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống nguyên đơn và chị Hà Thị Nhật L không có tài sản chung, không có nợ ai.

Bị đơn chị Hà Thị Nhật L trình bày: Chị và nguyên đơn anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sinh con được hơn 02 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai bên đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 7-2023 đến nay. Bị đơn và con chung là cháu Lê Hà Ánh N đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, hai vợ chồng không còn sự quan tâm đến nhau. Do vậy, bị đơn cũng nhất trí ly hôn với nguyên đơn. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung luôn sống cùng bị đơn, chỉ từ tháng 03-2024 mẹ của nguyên đơn lên đón cháu Lê Hà Ánh N về quê nội ăn ngày lễ 03-3-2024 (âm lịch) và không giao lại con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bị đơn đề nghị được nuôi dưỡng con chung, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn sẽ đón mẹ của mình lên Thái Nguyên chăm sóc con chung để bị đơn yêu tâm đi làm theo hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty S Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống bị đơn và nguyên đơn không có tài sản chung, không có nợ ai.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn D được ly hôn với chị Hà Thị Nhật L.

2. Về con chung: Anh Lê Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hà Ánh N, sinh ngày 21-01-2021 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Hà Ánh N đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị Nhật L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Hà Thị Nhật L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn D không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, chị Hà Thị Nhật L có đơn kháng cáo một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Hà Ánh N đến khi trưởng thành; chị Hà Thị Nhật L không yêu cầu anh Lê Văn D phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại cấp phúc thẩm:

Đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự để làm rõ về quá trình làm việc, tạm trú, chỗ ở hiện nay của nguyên đơn, bị đơn; làm rõ về quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, thăm nom cháu Lê Hà Ánh N từ khi sinh ra đến trước khi xét xử phúc thẩm.

Đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ về việc đăng ký tạm trú, nơi làm việc, nơi ở hiện nay, mức thu nhập của mình để chứng minh cho yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn chị Hà Thị Nhật L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đối với trách nhiệm chịu án phí ly hôn, bị đơn đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Nguyên đơn anh Lê Văn D không rút yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Đối với trách nhiệm chịu án phí ly hôn, nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo của bị đơn: Căn cứ lời khai nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cháu Lê Hà Ánh N cho nguyên đơn nuôi dưỡng là không phù hợp, không đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ nhỏ, vì trẻ nhỏ cần có bàn tay chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục từ chính cha mẹ mình. Đến nay cháu Lê Hà Ánh N mới hơn 03 tuổi, từ nhỏ đến trước thời điểm đầu tháng 4-2024 cháu Lê Hà Ánh N chủ yếu được bị đơn nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét điều kiện làm việc, chỗ ở hiện nay, mức thu nhập của nguyên đơn, bị đơn và nhất là cháu Lê Hà Ánh N lại là con gái nên sống cùng mẹ sẽ đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Do vậy

xem xét một cách toàn diện đến quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung thì kháng cáo yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của bị đơn phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Xét thấy, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn là không chính xác. Nên cấp phúc thẩm phải xem xét lại vấn đề này bởi nguyên đơn, bị đơn mỗi người chỉ phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của chị Hà Thị Nhật L, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về con chung theo hướng giao con chung cháu Lê Hà Ánh N cho chị Hà Thị Nhật L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thời điểm Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết, xét xử vụ án thể hiện: Nguyên đơn anh Lê Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bị đơn chị Hà Thị Nhật L có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn. Mặc dù nội dung Biên bản xác minh ngày 22-11-2023 tại Công an xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bút lục 31) thể hiện: Không thấy bị đơn khai báo tạm vắng cũng như không thấy bị đơn khai báo tạm trú tại nơi khác. Tuy nhiên, tại Đơn xin xác nhận tình trạng kinh doanh của nguyên đơn ngày 20-12-2021 (bút lục 63) thể hiện: Từ năm 2019, nguyên đơn đã sinh sống, làm việc, kinh doanh tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; tại Bản tự khai ngày 19-11-2023 của nguyên đơn (bút lục 36) thể hiện: Từ khi lấy nhau, nguyên đơn và bị đơn đều làm ăn, sinh sống tại Thái Nguyên cho đến giữa năm 2023 thì mới xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân nhau; tại Hợp đồng lao động ngày 23-4-2024 do bị đơn cung cấp (bút lục 78-82) thể hiện: Bị đơn đã và đang làm việc tại thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, từ năm 2019 cả hai đương sự đã không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú, mà sinh sống, làm việc và đăng ký tạm trú tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không làm rõ việc đăng ký cư trú của bị đơn theo Luật Cư trú để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn cũng không có văn bản nhất trí giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết vụ án chưa đảm bảo về thẩm quyền xét xử. Cấp phúc thẩm đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp đầy đủ các thông tin về việc đăng ký tạm trú, nơi làm việc, nơi ở hiện tại của mình và bị đơn cũng đã có văn bản nhất trí đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Hà Thị Nhật L, thấy rằng:

[3] Thứ nhất: Cháu Lê Hà Ánh N, sinh ngày 21-01-2021. Từ khi sinh ra đến khoảng tháng 6-2023, cháu Lê Hà Ánh N vẫn sinh sống cùng nguyên đơn và bị

đơn tại phòng trọ thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 7-2023, khi nguyên đơn, bị đơn sống ly thân nhau thì cháu Lê Hà Ánh N sinh sống cùng với bị đơn tại phòng trọ thuê của nhà ông Hoàng Văn T thuộc tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Chỉ từ cuối tháng 3-2024 thì cháu Lê Hà Ánh N mới thường xuyên sống cùng ông bà nội tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Lê Hà Ánh N mới được hơn 03 tuổi 03 tháng. Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu Lê Hà Ánh N mới được hơn 03 tuổi 05 tháng. Cháu Lê Hà Ánh N là con gái luôn cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhất là trong quá trình phát triển tâm sinh lý.

[4] Thứ 2: Về nơi ở hiện tại: Cả nguyên đơn và bị đơn nhiều năm nay (từ năm 2019) đã và đang sinh sống, làm việc, thuê nhà trọ và có đăng ký tạm trú tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nguyên đơn đang thuê trọ và kinh doanh Salon tóc tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (có xác nhận của chính quyền địa phương). Hiện bị đơn đang thuê phòng trọ số 401 của ông Hoàng Văn T tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (có hợp đồng thuê nhà) và có đăng ký tạm trú tại Công an phường theo luật định (có Thông báo về vấn đề này của Công an phường).

[5] Thứ 3: Về nơi làm việc, thu nhập hàng tháng: Nguyên đơn cho rằng mức thu nhập hàng tháng của mình từ kinh doanh Salon tóc sau khi trừ chi phí còn khoảng 20 đến 30 triệu đồng. Nhưng ngoài lời trình bày của mình thì nguyên đơn không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến mình đã đưa ra về mức thu nhập đó. Bị đơn cho rằng từ tháng 8-2023 đến nay, bị đơn có thu nhập ổn định từ việc đi làm tại các Công ty. Từ tháng 8-2023 đến tháng 4-2024, bị đơn là nhân viên hành chính - nhân sự của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ G, Chi nhánh Thái Nguyên với mức thu nhập từ trên 8,2 triệu đồng đến trên 10,5 triệu đồng (có xác nhận bằng văn bản của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ G, Chi nhánh Thái Nguyên). Từ tháng 5-2024 đến nay, bị đơn là phiên dịch của Công ty S Thái Nguyên theo Hợp đồng lao động ký ngày 23-4-2024, thử việc đến ngày 31-7-2024, nếu đảm bảo các điều kiện sẽ được tuyển chính thức. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã được Công ty S, Thái Nguyên chi trả lương tháng 5 qua tài khoản Ngân hàng là 6.722.000đồng; lương tháng 6 là 13.830.000đồng (có sao kê tại Ngân hàng thương mại cổ phần N).

[6] Thứ 4: Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Như vậy, thực tế việc nuôi con là trách nhiệm phải của chính bố mẹ các cháu chứ không phải của ông bà các cháu. Theo như nguyên đơn trình bày từ tháng 10-2023 đến nay, cháu Lê Hà Ánh N sinh sống cùng với ông bà nội tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bị đơn cũng không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là do bố mẹ của bị đơn giúp bị đơn thực hiện. Ngoài ra, từ nơi bị đơn làm việc tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố

P, tỉnh Thái Nguyên đến nơi cháu Lê Hà Ánh N đang sinh sống tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là khoảng 30km. Công việc kinh doanh tại Salon tóc với thời gian làm việc hàng ngày từ 08 giờ sáng đến 21 giờ, phần nào cũng hạn chế và không thuận lợi cho việc bị đơn đi về trong ngày để có thể trực tiếp chăm sóc con chung được tốt nhất.

[7] Thứ 5: Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và ngay cả sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù việc cấp sơ thẩm giao con chung cho nguyên đơn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chưa có hiệu lực pháp luật; nhưng việc thom nom con chung, đón con chung của bị đơn đã bị gia đình nguyên đơn không tạo điều kiện, hạn chế một phần quyền vì nhiều lý do khác nhau không phù hợp với thực tế khách quan và quy định của pháp luật.

[8] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, dẫn đến đánh giá chứng cứ chưa khách quan, chưa toàn diện và quyết định giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không phù hợp, chưa đủ căn cứ pháp lý, chưa đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

[9] Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, xét các điều kiện như đã phân tích ở trên thấy rằng bị đơn có điều kiện hơn nguyên đơn để được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[10] Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử ngày 26-4-2024 thì nguyên đơn và bị đơn đã nhất trí ly hôn nhưng không thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung. Theo hướng dẫn tại mục IV.11 Giải đáp số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao, thì nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 75.000đồng án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm là không đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị giải quyết trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cấp phúc thẩm phải sửa nội dung này theo luật định.

[11] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hà Thị Nhật L; sửa một phần Bản án

hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Buộc anh Lê Văn D phải giao con chung là cháu Lê Hà Ánh N, sinh ngày 21-01-2021 cho chị Hà Thị Nhật L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Hà Ánh N đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị Hà Thị Nhật L không yêu cầu. Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Hà Thị Nhật L phải chịu 75.000đồng (bẩy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước.

Anh Lê Văn D phải chịu 75.000đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 17-11- 2023, anh Lê Văn D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0005609 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, hoàn trả lại cho anh Lê Văn D số tiền 225.000đồng (hai trăm hai mươi năm nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hà Thị Nhật L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Hà Thị Nhật L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005576 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Các vấn đề khác

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- .....;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa